

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST  
Ngày: 14 - 3 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Thương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thanh;

- Ông Hoàng Minh Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hạ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đào Thị Xuân D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

**- Bị đơn:** Công ty TNHH T5.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T1. Có mặt

Địa chỉ trụ sở: Số B đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Quốc B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

2. Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số A đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đào Thị Xuân D và người đại diện theo ủy quyền chị Bùi Thị Thanh T trình bày:*

Ngày 10/7/2020, bà Đào Thị Xuân D cho Công ty TNHH T6 (nay là Công ty TNHH T5) do ông Bùi Quốc B là giám đốc vay số tiền 2.100.000.000đ (hai tỷ một trăm triệu đồng) và bà D có mua hộ vật tư xây dựng cho Công ty TNHH T6 số tiền 389.370.000đ (ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 2.489.370.000đ; Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ chậm nhất theo giấy mượn tiền là 03 tháng kể từ ngày vay. Hai bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2020, ông Bùi Quốc B là giám đốc Công ty ký tên đóng dấu xác nhận của công ty. Tuy nhiên, hết thời gian cam kết, Công ty T6 vẫn không có động thái trả nợ mặc dù bà D đã nhiều lần thông báo yêu cầu trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH T6 - nay là Công ty TNHH T5 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.489.370.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) cho bà Đào Thị Xuân D; Bà D không yêu cầu tính lãi suất.

Về việc chuyển đổi loại hình công ty, sau thời điểm ông B đại diện Công ty T6 ký Giấy mượn tiền, Công ty T6 có thực hiện việc đăng ký chuyển đổi loại hình công ty từ công ty TNHH một thành viên T7 hai thành viên trở lên lần thứ 5 ngày 11/9/2020. Theo quy định của pháp luật, việc chuyển đổi này không làm triệt tiêu nghĩa vụ trả nợ của Công ty T6. Tại Điều 2 Quyết định số 01 ngày 11/9/2020 về việc chuyển đổi công ty TNHH T6 (một thành viên) thành công ty TNHH T6 (hai thành viên) ký bởi ông Bùi Quốc B thể hiện rõ: “CÔNG TY TNHH T6 chuyển đổi kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm các khoản nợ gồm: Nợ thuế, nợ khách hàng, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của CÔNG TY TNHH T6 (một thành viên)”. Vì vậy, dù đã chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên thì nghĩa vụ trả nợ của Công ty T6 vẫn mặc nhiên được kế thừa và không thể thay đổi. Do đó, nay nguyên đơn xác định khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH T5 (tiền thân là công ty T6 cũ) phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đào Thị Xuân D tổng số tiền 2.489.370.000 đồng; Bà D không yêu cầu cá nhân ông Bùi Quốc B trả nợ vì số nợ này là của Công ty TNHH T6 (nay là công ty T5).

*- Bị đơn Công ty TNHH T5 do ông Lê Đức T1 trình bày:*

Công ty TNHH T6 trước đây do ông Bùi Quốc B làm giám đốc chuyên kinh doanh ngành nghề xây dựng. Quá trình hoạt động Công ty T6 thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Bùi Quốc B sang bà Lê Thị Kim T2 ngày 27/11/2020. Giữa bà T2 và các thành viên công ty T8 về việc góp vốn, chuyển phần vốn góp như thế nào ông không biết nhưng có thay đổi giám đốc công ty từ bà Lê Thị Kim T2 sang ông Nguyễn Anh T3 và Đăng ký thay đổi tên từ Công ty TNHH T6 thành Công ty TNHH T5 03/8/2021. Ngày 11/9/2020 Công ty chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên T7 thành hai thành viên trở lên trong đó tỷ lệ vốn góp ông Nguyễn Anh T3 là 60% và ông 40%. Tại biên bản họp hội đồng thành viên công ty ngày 10/02/2022, đã bàn bạc thảo luận thống nhất thay đổi người đại diện theo pháp luật

của công ty từ ông Nguyễn Anh T3 sang cho ông và đăng ký với Sở kế hoạch đầu tư ngày 14/02/2022.

Việc ông Bùi Quốc B là Giám đốc Công ty TNHH T6 trước đây có vay mượn nợ của bà Đào Thị Xuân D để thi công các công trình xây dựng thì ông có biết. Tuy nhiên, khi bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Anh T3 chuyển nhượng vốn góp, chuyển giao công ty như thế nào ông không biết. Tại thời điểm chuyển giao, các bên chỉ thực hiện chuyển quyền về tài sản, vốn góp, không ai đề cập đến nghĩa vụ và các khoản nợ của công ty. Do đó, nay bà Đào Thị Xuân D khởi kiện công ty TNHH T5 phải trả số tiền 2.489.370.000đ thì Công ty T5 không đồng ý vì tại thời điểm chuyển giao, công ty không nhận chuyển giao nghĩa vụ nợ nêu trên. Đề nghị Tòa án xem xét giải vụ án theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quốc B trình bày:*

Trước đây ông là Giám đốc - Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T6 (nay là Công ty TNHH T5). Ngày 10/7/2020 ông có mượn của bà Đào Thị Xuân D tiền 2.100.000.000đ (hai tỷ một trăm triệu đồng). Sau đó, bà D có mua vật tư cho Công ty T6 số tiền 389.370.000đ (ba trăm tám mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Tổng số tiền 2.489.370.000 đồng, ông có viết giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 và ký tên đóng dấu của Công ty T6. Số tiền nêu trên ông sử dụng bổ sung vốn thi công các công trình do Công ty N. Lúc vay có hẹn thời hạn trả nợ chậm nhất theo giấy mượn tiền là 03 tháng kể từ ngày mượn. Tuy nhiên, hết thời gian cam kết nhưng Công ty T6 làm ăn thất bại, nhiều khoản nợ của các chủ công trình chưa thanh toán cho Công ty.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T6 (nay là Công ty T5) phải trả nợ số tiền tổng số tiền 2.489.370.000 đồng, ông thống nhất khoản tiền 389.370.000 đồng là tiền Công ty T6 nợ bà D; còn khoản tiền 2.100.000.000 đồng là cá nhân ông nợ bà D, tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh khoản nợ 2.100.000.000 đồng là nợ cá nhân.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T2 trình bày:*

Khi lập Hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn giữa ông Bùi Quốc B và bà thì ông B cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng P với bà có lập hợp đồng riêng. Ông B cam kết dùng mọi tài sản cá nhân của mình để thanh toán mọi nghĩa vụ, khoản nợ của Công ty TNHH T6 phát sinh trước ngày bà trở thành viên của Công ty TNHH T6. Do đó, bà không chịu trách nhiệm gì đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty TNHH T6.

- Bà là người đại diện theo pháp luật kiêm Giám đốc Công ty TNHH T6 từ ngày 27/11/2020 nên chỉ chịu trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ phát sinh với các hợp đồng mà bà ký kết từ ngày 27/11/2020 trở về sau. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường T, thành phố Q nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T2 đã được Tòa án triệu tập hợp đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Bùi Quốc B vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Kim T2 và ông Bùi Quốc B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy mượn tiền đề ngày 10/7/2020 giữa Công ty TNHH T6 và bà Đào Thị Xuân D thể hiện: Công ty T6 do ông Bùi Quốc B làm giám đốc đại diện có mượn của bà Đào Thị Xuân Duyên s tiền: 2.100.000.000đ với mục đích: Bổ sung vốn thi công xây dựng hạng mục cầu Vả Ranh (T) và thi công xây dựng cầu Đ 3 thuộc dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền trung Quảng Ngãi; Bổ sung vốn thi công gói thầu thi công xây dựng công trình sửa chữa một số tuyến đường nội thị thị trấn T, huyện T. Đồng thời Công ty có nhờ bà D mua hộ vật tư xây dựng với số tiền 389.370.000đ; Tổng cộng 3.489.370.000đ với thời hạn không quá ba tháng kể từ ngày mượn. Bên mượn cam kết thanh toán số tiền nêu trên như đã thỏa thuận và có quyền lấy tiền từ 03 công trình nêu trên để thanh toán cho bên mượn. Giấy mượn tiền có chữ ký của ông Bùi Quốc B là giám đốc công ty và có đóng dấu của Công ty T6.

[4] Trong quá trình hoạt động, Công ty T6 thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Bùi Quốc B sang bà Lê Thị Kim T2 ngày 27/11/2020; từ bà Lê Thị Kim T2 sang ông Nguyễn Anh T3 ngày 06/8/2021 và thay đổi từ ông Nguyễn Anh T3 sang ông Lê Đức T1 ngày 14/02/2022. Chuyển đổi loại hình công ty từ Công ty TNHH T7 thành viên trở lên thành Công ty TNHH một thành viên ngày 06/9/2019;

Chuyển đổi loại hình công ty từ Công ty TNHH một thành viên T7 thành viên ngày 11/9/2020. Thay đổi từ tên công ty TNHH T6 thành Công ty TNHH T5 ngày 03/8/2021.

[5] Bị đơn Công ty T5 do ông Lê Đức T1 là giám đốc đại diện cho rằng: Ông có biết ông Bùi Quốc B là Giám đốc Công ty TNHH T6 trước đây có vay mượn nợ của bà Đào Thị Xuân D để thi công các công trình xây dựng. Tuy nhiên, khi ông Bùi Quốc B, bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Anh T3 chuyển nhượng vốn góp, chuyển giao công ty như thế nào ông không biết. Tại thời điểm chuyển giao, các bên chỉ thực hiện chuyển quyền về tài sản, vốn góp, không ai đề cập đến nghĩa vụ và các khoản nợ của công ty nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông Lê Đức T1 xuất trình cho Hội đồng xét xử 01 Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa vợ chồng ông Bùi Quốc B, bà Nguyễn Thị Hồng P và bà Lê Thị Kim T2 ngày 25/11/2020. Tại điểm c, d khoản 1, điểm b, khoản 2 điều 3 của hợp đồng nêu trên có ghi: *Bên A (tức Bùi Quốc B, Nguyễn Thị Hồng P) cam kết dùng mọi tài sản của cá nhân mình để thanh toán mọi nghĩa vụ, khoản nợ của Công ty TNHH T6. Bên A cam kết bàn giao quyền quản lý phần vốn góp Công ty TNHH T6 và cùng bên B thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để bên A có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ... Bên B (tức bà Lê Thị Kim T2) không chịu trách nhiệm gì đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty TNHH T6 phát sinh trước ngày bên B có tên trong đăng ký kinh doanh. Bên B chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ phát sinh của Công ty TNHH T6 (Công nợ mua vật tư, nhân công, máy thi công...) liên quan đến khối lượng còn lại của công trình dở dang kể từ ngày 26/11/2020 trở về sau.* Hợp đồng này được Văn phòng C chứng thực ngày **25/11/2020**.

[6] Xét hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa vợ chồng ông Bùi Quốc B, bà Nguyễn Thị Hồng P và bà Lê Thị Kim T2 nêu trên thì thấy rằng:

Hợp đồng này là sự thỏa thuận cá nhân vợ chồng ông B, bà P và bà T2 về việc bà T2 không chịu trách nhiệm gì đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty T6 phát sinh trước ngày bà T2 có tên trong đăng ký kinh doanh, vợ chồng ông B, bà P cam kết dùng tài sản cá nhân để thanh toán các khoản nợ của Công ty T6 trước khi chuyển nhượng phần vốn góp cho bà T2. Tuy nhiên, tại hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Bùi Quốc B (giám đốc Công ty T6) và bà Lê Thị Kim T2 ngày **20/11/2020** (hợp đồng này lập trước hợp đồng ngày **25/11/2020** giữa vợ chồng ông bảo, bà P và bà T2) thể hiện tại Điều 4 có ghi: *Bên B (tức bà Lê Thị Kim T2) có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên A với tư cách là một thành viên góp vốn của Công ty T6 kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp.* Hợp đồng này được ông B giám đốc công ty T6 ký và đóng dấu công ty (BL 184 – 185). Trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 20/11/2020, Công ty T6 mới đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thay đổi thành viên công ty, thay đổi người đại diện theo pháp luật và được phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp (Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/11/2020 – BL 192). Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa vợ chồng ông Bùi Quốc B, bà Nguyễn Thị Hồng P và bà Lê Thị Kim T2 ngày 25/11/2020 là giao dịch dân sự cá nhân với nhau, không phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và giao dịch này không liên quan đến Công ty T6. Do đó, lời khai của ông Lê Đức T1 và bà Lê Thị Kim T2 không có cơ sở chấp nhận.

[7] Trong quá trình hoạt động, Công ty T6 liên tục chuyển nhượng phần vốn góp, thay đổi thành viên công ty, loại hình doanh nghiệp và giám đốc đại diện. Tại các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Bùi Quốc B và bà Lê Thị Kim T2; giữa ông Bùi Quốc B và ông Lê Thành T4, giữa bà Lê Thị Kim T2 và ông Lê Đức T1, giữa bà Lê Thị Kim T2 và ông Nguyễn Anh T3... đều thể hiện tại Điều 4 các hợp đồng với nội dung: *“Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng với tư cách là một thành viên góp vốn của Công ty kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp”*. Đồng thời, Tại các Quyết định chuyển đổi loại hình công ty từ Công ty TNHH T7 thành viên trở lên thành Công ty TNHH một thành viên ngày 05/9/2019; Chuyển đổi loại hình công ty từ Công ty TNHH một thành viên T7 thành viên ngày 11/9/2020 đều quy định: *Công ty chuyển đổi kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm các khoản nợ gồm: Nợ thuế, nợ khách hàng, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi. Theo Điều 92 Bộ luật dân sự quy định: “Sau khi chuyển đổi hình thức, pháp nhân được chuyển đổi chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm pháp nhân chuyển đổi được thành lập; pháp nhân chuyển đổi kế thừa quyền, nghĩa vụ dân sự của pháp nhân được chuyển đổi”*.

[8] Theo Điều 87 Bộ luật dân sự quy định: *Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân*. Căn cứ vào giấy nợ ngày 10/7/2020, ông Bùi Quốc B là người đại diện theo pháp luật của Công ty T6, nhân danh công ty mượn tiền của bà D để mục đích bổ sung vốn thi công, mua vật liệu xây dựng phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp, nên số nợ này là của Công ty T6. Tại phiên tòa, ông Lê Đức T1 thừa nhận các khoản thu từ các công trình xây dựng hạng mục cầu Vả Ranh (T), cầu Đ và một số công trình khác do Công ty thực hiện hiện nay vẫn chưa xong. Do đó, Công ty T5 phải có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty T6.

[9] Xét trình bày của ông Bùi Quốc B cho rằng khoản tiền 389.370.000 đồng là tiền Công ty T6 nợ bà D; còn khoản tiền 2.100.000.000 đồng là cá nhân ông nợ bà D, tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh khoản nợ 2.100.000.000 đồng là khoản nợ riêng cá nhân ông B. Nguyên đơn cũng xác định khởi kiện yêu cầu Công ty T5 (Bảo Long cũ), không khởi kiện ông B trả nợ. Căn cứ vào giấy nợ ngày 10/7/2020 giữa các bên, có đủ căn cứ xác định số nợ này là của Công ty T6 (nay là công ty T5). Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T5 không có yêu cầu khởi kiện cá nhân ông B phải trả nợ số tiền 2.100.000đồng cho Công ty T5 nên Hội đồng

xét xử không xem xét, chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Công ty T5 và ông Bùi Quốc B, bà Lê Thị Kim T2 có tranh chấp thì có quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác.

[10] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định công ty T6 (nay là Công ty T5) có vay nợ của bà Đào Thị Xuân Duyên s tiền 2.489.370.000đ nên buộc Công ty T5 phải trả cho bà D. Bà D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[11] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền: 81.787.400đ [72.000.000đ + (489.370.000đ x 2%)]. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

[12] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 147, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 87, 92, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Xuân D.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đào Thị Xuân Duyên s tiền 2.489.370.000 đồng (hai tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 phải chịu 81.787.400 đồng (tám mươi một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đào Thị Xuân Duyên s tiền 40.893.700 đồng (bốn mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm do bà Đào Thị Xuân D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007046 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Thương**